

Tên bệnh nhân: <i>(Patient Name)</i>	Ngày sinh: <i>(Date of birth)</i>
Ngày: <i>(Date)</i>	
Chủng tộc: <i>(Race)</i>	Ngôn ngữ chính: <i>(Primary language)</i>
Năm giáo dục: <i>(Years of education)</i>	
Tên người hoàn thành bảng câu hỏi: _____ Nếu không phải là bệnh nhân. Vui lòng trả lời các câu hỏi thay mặt cho bệnh nhân ở trên. (Name of Person Completing Questionnaire: If other than patient. Please respond to questions on behalf of patient above.)	
Mối quan hệ với bệnh nhân: _____ (Relationship to Patient)	
Bạn dành thời gian cho bệnh nhân bao lâu một lần: Hàng ngày ☐ Hàng tuần ☐ Hàng tháng ☐ 3 tháng một lần ☐ 6 tháng một lần ☐ Hàng năm ☐ (How often do you spend time with patient: Daily ☐ Weekly ☐ Monthly ☐ Every 3 month ☐ Every 6 month ☐ Yearly ☐)	
Bảng câu hỏi này sẽ hỗ trợ nhóm y tế hoàn thành việc đánh giá của bạn. Vui lòng: Trả lời những câu hỏi này một cách trung thực và với khả năng tốt nhất của bạn. Hãy cụ thể. Ví dụ: "Thứ Ba tuần trước, tôi (người thân của tôi) bị lạc trên đường từ cửa hàng về nhà. Thật đáng sợ." Ngoài những câu hỏi này, nhà cung cấp dịch vụ y tế của bạn cũng có thể hỏi bạn chi tiết về: Các vấn đề y tế trong quá khứ và hiện tại và phẫu thuật lịch sử. Lịch sử y tế gia đình. Lịch sử xã hội của bạn. Tất cả các loại thuốc bạn hiện đang sử dụng bao gồm thuốc theo toa, vitamin không kê đơn, aspirin, v.v. thảo dược bổ sung, Sử dụng rượu, cần sa (CBD / THC) trong quá khứ hoặc hiện tại, hoặc các loại thuốc xã hội khác như chất kích thích, ma túy, hoặc thuốc an thần. This questionnaire will assist the medical team in completing the patient's evaluation. Please: Answer these questions honestly and to the best of your ability. Be specific. For example, "Last Tuesday, my loved one got lost on the way home from the store. It was scary." In addition to the questions below the medical provider may also ask details about: Past and current medical problems and surgical history Family medical history The patient's social history All medications that the patient is currently taking including: prescription medications, over-the-counter vitamins, aspirin, etc. herbal supplements, Past or present use of: alcohol, marijuana (CBD/THC) or other social drugs such as stimulants, narcotics or sedatives.	

Câu hỏi: chọn tất cả các câu phù hợp (Question: check all that apply)	VÂNG (YES)	Vui lòng cung cấp thêm ý kiến nếu cần thiết: (Please provide additional comments if necessary:)
Bệnh nhân có vấn đề gì về trí nhớ không? (Does the patient have any problems with memory?)		
Bệnh nhân có thường xuyên làm thất lạc các vật dụng (ví dụ: điện thoại, chìa khóa) không? (Does the patient misplace items often (e.g., phone, keys)?)		
Bệnh nhân có dựa vào ghi chú nhiều hơn không? (Does the patient rely more on notes?)		
Bệnh nhân có gặp khó khăn với trí nhớ gần đây (hội thoại, sự kiện gần đây) so với trí nhớ trước đó không? (Does the patient have trouble with recent memory (conversations, recent events) compared to remote memory?)		
Bệnh nhân có hỏi những câu hỏi lặp đi lặp lại không? (Does the patient ask repetitive questions?)		
Bệnh nhân có gặp khó khăn trong việc diễn đạt từ ngữ, khó hiểu các từ hoặc các cuộc trò chuyện không? (Does the patient have difficulty expressing words, difficulty understanding words or conversations?)		
Bệnh nhân có gặp khó khăn trong việc tìm từ hoặc tên mà họ muốn sử dụng không? (Does the patient have difficulty finding the word or name they want to use?)		
Bệnh nhân có khó hiểu những gì mọi người đang nói với họ không? (Does the patient have difficulty understanding what people are saying to them?)		
Bệnh nhân có gặp khó khăn gì khi phát âm những từ mà trước đây họ dễ phát âm không? (Does the patient have any difficulty pronouncing words that were easy for them to pronounce in the past?)		
Bệnh nhân có gặp khó khăn trong việc giữ nhà hoặc văn phòng của họ gọn gàng và ngăn nắp / sạch sẽ như trước đây không? (Does the patient have difficulty planning, starting, or finishing complicated tasks at home or at work?)		

Câu hỏi: chọn tất cả các câu phù hợp (Question: check all that apply)	VÃNG (YES)	Vui lòng cung cấp thêm ý kiến nếu cần thiết: (Please provide additional comments if necessary:)
Bệnh nhân có gặp khó khăn trong việc giữ nhà hoặc văn phòng của họ gọn gàng và ngăn nắp / sạch sẽ như trước đây không? (Does the patient have difficulty keeping their home or office as neat and organized/clean as it used to?)		
Bệnh nhân có gặp khó khăn khi hoàn thành công việc vì họ dễ bị phân tâm không? (Does the patient have problems finishing a task because they get distracted easily?)		
Bệnh nhân có bị lạc khi đi bộ hoặc lái xe không? (Does the patient get lost while walking or driving?)		
Bệnh nhân có gặp khó khăn khi lái xe hoặc đi bộ đến những nơi quen thuộc không? tức là cửa hàng tạp hóa, bưu điện, nhà bạn bè, v.v. (Does the patient have difficulty driving or walking to familiar places? i.e., grocery store, post office, friend's house, etc.)		
Bệnh nhân có bị lạc vào một cửa hàng hay nhà hàng quen thuộc không? (Does the patient get lost in a familiar store or restaurant?)		
Bệnh nhân có gặp khó khăn khi nhìn mọi vật một cách chính xác hoặc đánh giá khoảng cách đúng cách không? (Does the patient have difficulty seeing things properly or judging distances properly?)		
xe cơ giới của bệnh nhân có cho thấy bằng chứng hư hỏng không? (Does the patient's motor vehicle show evidence of damage?)		
Bệnh nhân có gặp khó khăn trong việc tìm ra vị trí ngồi trên ghế như thế nào không? (Does the patient have difficulty figuring out how to position themselves to sit in a chair?)		
Bệnh nhân có phàn nàn về việc khó nhìn khi đọc không? (Does the patient complain of difficulty seeing while reading?)		
Bệnh nhân có phàn nàn rằng mắt của họ không hoạt động? (Does the patient complain that their eyes do not work?)		

Câu hỏi: chọn tất cả các câu phù hợp (Question: check all that apply)	VÃNG (YES)	Vui lòng cung cấp thêm ý kiến nếu cần thiết: (Please provide additional comments if necessary:)
Bệnh nhân có rắc rối nhìn những thứ ở ngay trước mắt không? (Does the patient have trouble seeing things that are right in front of them?)		
Bệnh nhân có khó nhận biết mọi người không? (Does the patient have difficulty recognizing people?)		
Tâm trạng của bệnh nhân có thay đổi không? (Has the patient's mood changed?)		
Bệnh nhân có khóc nhiều không? (Does the patient cry a lot?)		
Bệnh nhân có cảm thấy tuyệt vọng về cuộc sống hoặc về tương lai không? (Does the patient feel hopeless about life or about the future?)		
Bệnh nhân có cảm thấy vô giá trị hoặc tồi tệ về bản thân không? (Does the patient feel worthless or bad about themselves?)		
Bệnh nhân có bị mất động lực hoặc năng lượng để làm những việc mà họ từng yêu thích không? (Has the patient lost motivation or energy to do things they used to enjoy?)		
Bệnh nhân có giảm hứng thú với các hoạt động xã hội không? (Does the patient have decreased interest in social activities?)		
Bệnh nhân có giảm hứng thú với nhà thờ hoặc các nhóm cộng đồng không? (Does the patient have decreased interest in church or community groups?)		
Bệnh nhân có giảm hứng thú với các sở thích không? (Does the patient have decreased interest in hobbies?)		
Bệnh nhân có dễ nổi cáu hơn không? (Does the patient become angry more easily?)		
Bệnh nhân có tức giận về những điều mà trước đây họ không làm phiền họ không? (Does the patient get angry about things that would not have bothered them in the past?)		

Câu hỏi: chọn tất cả các câu phù hợp (Question: check all that apply)	VÃNG (YES)	Vui lòng cung cấp thêm ý kiến nếu cần thiết: (Please provide additional comments if necessary:)
Đôi khi chúng tôi có những bệnh nhân dường như quên cách cư xử ở nơi công cộng. Đây có phải là một vấn đề đối với bệnh nhân? (Sometimes we have patients who seem to forget how to behave in public. Has this been an issue for the patient?)		
Bệnh nhân có làm điều gì khiến gia đình xấu hổ không? ví dụ: gọi mọi người là béo ở nơi công cộng khi họ có thể nghe thấy? (Has the patient done anything that may have been embarrassing to the family? e.g., calling people fat in public when they might hear?)		
Bệnh nhân đã bao giờ kể những câu chuyện cười bẩn thỉu trong những tình huống không phù hợp chưa? (Has the patient ever told dirty jokes in inappropriate situations?)		
Bệnh nhân đã bao giờ kể những điều cá nhân về bản thân hoặc gia đình cho người lạ chưa? (Has the patient ever told personal things about themselves or family to strangers?)		
Bệnh nhân đã từng ăn đĩa của người khác ở nhà hàng chưa? (Has the patient ever eaten from other people's plates at restaurants?)		
Bệnh nhân có gặp vấn đề gì với những niềm tin bất thường hoặc không thực tế không? (Has the patient had any problems with beliefs that are unusual or not realistic?)		
Bệnh nhân có cảm thấy như ai đó ở ngoài sẽ làm hại chúng không? (Does the patient feel like someone is out to get them?)		
Bệnh nhân có cảm thấy như họ có thể có sức mạnh đặc biệt hoặc mối quan hệ đặc biệt với những người nổi tiếng hoặc quyền lực không? (Does the patient feel like they might have special powers or special relationships with famous or powerful people?)		
Bệnh nhân có nhìn thấy hoặc nghe thấy bất cứ điều gì có thể không có ở đó (hoặc những người khác không thể nhìn hoặc nghe thấy) không? (Has the patient been seeing or hearing anything that might not be there (or others can't see or hear)?)		

Câu hỏi: chọn tất cả các câu phù hợp (Question: check all that apply)	VÃNG (YES)	Vui lòng cung cấp thêm ý kiến nếu cần thiết: (Please provide additional comments if necessary:)
Bệnh nhân có tập trung vào những ý tưởng nhất định mà họ không thể thoát ra khỏi đầu hoặc đã phát triển bất kỳ nghi thức cụ thể nào không? (Has the patient become fixated on certain ideas that they can't get out of their head or have developed any specific rituals?)		
Bệnh nhân có bị ám ảnh bởi một số ý tưởng chính trị hoặc tôn giáo không? (Does the patient have any obsessions with certain political or religious ideas?)		
Bệnh nhân có bất kỳ ám ảnh nào về thời gian hoặc thói quen được tuân thủ chính xác không? (Does the patient have any obsessions about timing or routine being adhered to precisely?)		
Bệnh nhân có bị ám ảnh bởi các trò chơi, phim ảnh, hoặc các hình thức giải trí cụ thể không? (Does the patient have any obsessions with specific games, movies, or specific forms of entertainment?)		
Bệnh nhân có thay đổi gì về giấc ngủ không? (Does the patient have any changes in sleep?)		
Bệnh nhân có thức dậy nhiều vào nửa đêm không? (Does the patient wake up a lot in the middle of the night?)		
Bệnh nhân có khó ngủ không? (Does the patient have problems falling asleep?)		
Bạn tình của bệnh nhân có báo cáo rằng bệnh nhân có thể gặp vấn đề khi thực hiện giấc mơ (la hét, kêu hét, đánh) không? (Has the patient's partner reported that the patient may have problems acting out dreams (yelling, screaming, hitting)?)		
Bệnh nhân có ngáy không? (Does the patient snore?)		
Bạn tình của bệnh nhân đã bao giờ báo cáo rằng bệnh nhân có thể ngừng thở khi ngủ chưa? (Has the patient's partner ever reported that the patient may have breathing stoppages while they sleep?)		

Câu hỏi: chọn tất cả các câu phù hợp (Question: check all that apply)	VÃNG (YES)	Vui lòng cung cấp thêm ý kiến nếu cần thiết: (Please provide additional comments if necessary:)
Bệnh nhân có buồn ngủ vào ban ngày không? (Is the patient sleepy during the day?)		
Bệnh nhân có thay đổi thói quen ăn uống không? (Have there been changes in the patients eating habits?)		
Bệnh nhân có ăn nhiều hơn hay ít hơn bình thường không? (Has the patient been eating more or less than usual?)		
Bệnh nhân có bị tăng cân ngoài ý muốn không? (Has the patient had any unintentional weight gain?)		
Bệnh nhân có bị sụt cân ngoài ý muốn không? (Has the patient had any unintentional weight loss?)		
Bệnh nhân có muốn ăn các loại thức ăn cụ thể mọi lúc không? (Does the patient want to eat specific foods all the time?)		
Bệnh nhân có muốn ăn đồ ngọt hoặc chất bột đường nhiều hơn trước đây không? (Does the patient want to eat sweets or carbohydrates more than they used to?)		
Bệnh nhân có vẻ ít quan tâm đến nhu cầu, vấn đề của người khác không? (Does the patient seem less concerned about others' needs, problems?)		
Bạn có cảm thấy bệnh nhân không phản ứng thích hợp trong trường hợp khẩn cấp hoặc khi ai đó cần giúp đỡ không? (Do you feel the patient does not react appropriately in an emergency or when someone needs help?)		
Bạn có cảm thấy bệnh nhân không phản ứng cảm xúc khi ai đó có một sự kiện đặc biệt buồn hoặc vui (ví dụ: mất mát hoặc thành tích lớn)? (Do you feel the patient does not react emotionally when someone has a particularly sad or happy event (e.g., a loss or major achievement)?)		
Bệnh nhân có vẻ cởi mở hơn với những trò lừa đảo hoặc gạ gẫm không? (Does the patient seem to be more open to scams or solicitations?)		

Câu hỏi: chọn tất cả các câu phù hợp (Question: check all that apply)	VÃNG (YES)	Vui lòng cung cấp thêm ý kiến nếu cần thiết: (Please provide additional comments if necessary:)
Bệnh nhân có mua nhiều tạp chí hoặc phiếu mua hàng trực tuyến không? (Has the patient been buying lots of magazines or online offers?)		
Có bao giờ bệnh nhân bị lừa bởi một sự sắp xếp kinh doanh đáng ngờ? (Has the patient ever been fooled by a suspicious business arrangement?)		
Bệnh nhân có run không tự chủ ở bàn tay, cánh tay, chân hoặc cẳng củ họ không? (Does the patient have involuntary shaking in their hands, arms, legs or chin?)		
Chân tay của bệnh nhân có cảm thấy cứng thẳng hoặc cứng không? (Does the patient's limbs feel rigid or stiff?)		
Bệnh nhân có khó quay đầu và cổ dễ dàng không? (Does the patient have problems turning their head and neck easily?)		
Các cử động của bệnh nhân có bị chậm lại không? (Has the patient's movements been slowing down?)		
Bệnh nhân có đi chậm hơn không? (Is the patient walking slower?)		
Bệnh nhân có mất nhiều thời gian hơn để cài nút áo không? (Does it take the patient longer to button their shirt?)		
Chữ viết tay của bệnh nhân có nhỏ hơn không? (Is the patient's handwriting smaller?)		
Bệnh nhân có thay đổi khả năng đi lại không? (Has the patient had changes in their ability to walk?)		
Bệnh nhân có bị khom lưng khi đi lại không? (Is the patient stooped over when walking?)		
Bệnh nhân có lê chân khi đi lại không? (Does the patient drag their feet when they walk?)		

Câu hỏi: chọn tất cả các câu phù hợp (Question: check all that apply)	VÂNG (YES)	Vui lòng cung cấp thêm ý kiến nếu cần thiết: (Please provide additional comments if necessary:)
Các bước của bệnh nhân có ngắn hơn hay họ bị kẹt khi đi bộ? (Are the patient's steps shorter or do they get stuck when walking?)		
Bệnh nhân có bị té ngã trong vài năm qua không? (Has the patient fallen down in the past couple of years?)		
Nếu có, bệnh nhân đã té bao nhiêu lần? (If yes, how many times has the patient fallen?)		
Tình huống bệnh nhân bị té ngã là gì? (Vấp ngã, yếu chân, mất ý thức, đứng không vững) (What were the circumstances of the patient's falls? (Tripping, weakness of legs, loss of consciousness, unsteadiness))		
Bệnh nhân có cảm thấy đứng không vững? (Does the patient feel unsteady on their feet?)		
Bệnh nhân có yếu một bên cơ thể hơn bên kia không? (Is the patient weaker on one side of their body than the other?)		
Bệnh nhân có bị đột quỵ không? (Has the patient had a stroke?)		
Bệnh nhân có gặp khó khăn khi sử dụng một tay không? (Does the patient have trouble using one hand?)		
Bệnh nhân có đi khập khiễng hay lê một chân không? (Does the patient limp or drag one foot?)		
Bệnh nhân có cử động chân tay không tự chủ, chẳng hạn như giật hoặc co giật không? (Does the patient have involuntary movement of your limbs, such as jerking or twitching?)		
Bắp thịt Bệnh nhân có thay đổi không? (Has the patient had changes to their muscles?)		
Bệnh nhân có bị mất khối lượng bắp thịt không? (Has the patient lost muscle mass?)		
Các bắp thịt của bệnh nhân có yếu hơn không? (Are the patient's muscles weaker?)		

Vui lòng chọn hộp nếu bất kỳ điều nào sau đây là đúng: (Please check the box if any of the following are true:)	VÂNG (YES)	Vui lòng cung cấp thêm ý kiến nếu cần thiết: (Please provide additional comments if necessary:)
Có bất kỳ bắp thịt nào của bệnh nhân trở nên nhỏ hơn không? (Has any of the patient's muscles become smaller?)		
Một trong những cánh tay của bệnh nhân có cư xử như thể nó không thuộc về họ không? (Does one of the patient's arms behave as if it does not belong to them?)		
Cánh tay của bệnh nhân có cởi nút áo của họ hoặc nắm lấy thứ gì đó mà họ không nhận biết hoặc kiểm soát được không? (Has the patient's arm unbuttoned their shirt or grabbed something without their awareness or control?)		
Bệnh nhân có nói ngọng không? (Does the patient have slurring of their speech?)		
Giọng nói của bệnh nhân có nghe như thể họ đang say không? (Does the patient's speech sound as if they are drunk?)		
Bệnh nhân có khó nuốt không? (Does the patient have trouble swallowing?)		
Bệnh nhân có ho, sặc khi ăn uống không? (Does the patient cough or choke when eating or drinking?)		
Bệnh nhân có gặp khó khăn nào khác khi nuốt chất lỏng hoặc thức ăn rắn không? (Has the patient had any other difficulty swallowing liquids or solid foods?)		
Có thành viên nào trong gia đình bệnh nhân bị "các vấn đề sức khỏe tâm thần, mất trí nhớ, Parkinson hoặc các vấn đề thần kinh khác" không? Ví dụ: bệnh Alzheimer, Parkinson, tâm thần phân liệt, lưỡng cực, trầm cảm (Are there any members of the patient's family with "mental health problems, dementia, Parkinson's or other neurological problems"? For example: Alzheimer's disease, Parkinson's, schizophrenia, bipolar, depression)		

Vui lòng chọn hộp nếu bất kỳ điều nào sau đây là đúng: (Please check the box if any of the following are true:)	VÃNG (YES)	Vui lòng cung cấp thêm ý kiến nếu cần thiết: (Please provide additional comments if necessary:)
Bệnh nhân có bất kỳ thay đổi nào về khả năng quản lý các hoạt động cơ bản của cuộc sống hàng ngày do những thay đổi về trí nhớ hoặc suy nghĩ không? (Has the patient had any changes in their ability to manage basic activities of daily living due to changes in memory or thinking?)		
Bệnh nhân không thể tắm nếu không có sự trợ giúp (The patient cannot bathe without assistance)		
Bệnh nhân không thể ăn mặc độc lập (The patient cannot dress independently)		
Bệnh nhân không thể cầm được bàng quang và ruột của họ (The patient cannot manage their bladder and bowels without accidents)		
Có sự thay đổi nào trong khả năng quản lý gia đình của bệnh nhân do các vấn đề về trí nhớ hoặc suy nghĩ không? (Has there been a change in the patient's ability to manage their household due to problems with memory or thinking?)		
Bệnh nhân không thể tự quản lý việc mua sắm của mình (The patient cannot manage their own shopping)		
Bệnh nhân không thể thanh toán hóa đơn của họ đúng hạn (The patient cannot pay their bills on time)		
Bệnh nhân không thể hoàn thành công việc gia đình hoặc dự án (The patient cannot complete household chores or projects)		
Bệnh nhân đã quên tắt bếp (The patient has left the stove on)		
Bệnh nhân không thể làm theo công thức nấu ăn (The patient cannot follow recipes)		
Bệnh nhân không lái xe (The patient does not drive)		
Bệnh nhân gặp khó khăn khi hoàn thành nhiệm vụ tại nơi làm việc (The patient has trouble completing tasks at work)		
Bệnh nhân mất việc vì khó hoàn thành nhiệm vụ tại nơi làm việc (The patient lost their job because of trouble completing tasks at work)		

Bệnh nhân không thể quản lý thuốc của họ (The patient cannot manage their medications)		
Bệnh nhân gặp khó khăn khi trả lời điện thoại. (The patient has difficulty answering the phone.)		
Bệnh nhân không thể tự giặt quần áo. (The patient is unable to do their own laundry.)		
Bệnh nhân không thể quản lý các hình thức vận chuyển (Ví dụ: bắt xe buýt, gọi taxi, v.v.) (The patient is unable to manage forms of transportation (Example: taking the bus, call for a cab, etc.))		
Bệnh nhân không thể tự quản lý tài chính của mình (Ví dụ: tài khoản séc, tài khoản hưu trí, ngân hàng) The patient is unable to manage his/her finances (Example: checking account, retirement account, banking)		
Cảm ơn bạn đã hoàn thành bảng câu hỏi bệnh nhân phàn nàn về nhận thức. Đầu vào của bạn rất có giá trị để đánh giá kỹ lưỡng. Vui lòng cung cấp thêm thông tin cho bác sĩ của bệnh nhân bên dưới nếu cần. (Thank you for completing the cognitive complaints patient questionnaire. Your input is very valuable for a thorough evaluation. Please feel free to provide the patient's physician further information below if necessary.)		